

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TKD24B5**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH03163**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Lý thuyết tài chính tiền tệ**

Số TC: **3**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2453403020176	Võ Văn An	14/01/2007			5	5	7.0	5.0	6.0		0.0		2.3
2	2453403020177	Bùi Thị Ngọc Anh	03/03/2009			7	6	7.0	6.0	7.0		5.0		5.7
3	2453403020178	Lâm Thị Kim Anh	15/08/2009			8	5	8.0	6.0	6.0		6.0		6.3
4	2453403020179	Nguyễn Trương Huỳnh Anh	27/02/2009			6	6	7.0	6.0	9.0		9.0		8.2
5	2453403020180	Huỳnh Vũ Khánh Bằng	15/05/2009			6	7	7.0	6.0	7.0		0.0		2.7
6	2453403020181	Phan Thị Khánh Bằng	06/10/2009			7	8	8.0	7.0	8.0		9.0		8.5
7	2453403020182	Nguyễn Thị Kim Châu	20/08/2009			7	8	8.0	8.0	8.0		5.5		6.5
8	2453403020183	Huỳnh Thị Thùy Dương	30/01/2009			6	6	7.0	6.0	6.0		5.0		5.5
9	2453403020184	Lê Huỳnh Đức	17/09/2009			6	7	7.0	6.0	6.0		6.0		6.2
10	2453403020185	Nguyễn Bảo Hưng	25/07/2009			6	5	6.0	6.0	7.0		6.0		6.1
11	2453403020186	Lê Minh Khải	01/10/2009			6	5	7.0	8.0	6.0		6.5		6.6
12	2453403020187	Bùi Minh Khang	12/02/2009			6	6	7.0	7.0	6.0		9.0		8.0
13	2453403020188	Bùi Tấn Kiệt	04/10/2009			6	7	7.0	5.0	6.0		6.0		6.1
14	2453403020189	Mai Phi Long	26/02/2009			8	9	8.0	8.0	6.0		5.0		6.1
15	2453403020190	Nguyễn Ngọc Thảo Ly	14/09/2009			6	5	7.0	7.0	7.0		5.0		5.7
16	2453403020191	Hồ Bảo My	09/10/2009			7	5	9.0	7.0	7.0		6.0		6.5
17	2453403020192	Nguyễn Hoàng Mỹ	08/05/2009			5	8	8.0	8.0	8.0		9.0		8.5
18	2453403020193	Trương Văn Nam	26/06/2009			5	6	6.0	7.0	6.0		5.0		5.5
19	2453403020194	Trương Thị Mỹ Ngân	23/10/2009			8	6	7.0	6.0	7.0		5.0		5.7
20	2453403020195	Nguyễn Thụy Bảo Ngọc	05/11/2009			7	8	8.0	6.0	8.0		9.0		8.4
21	2453403020196	Trần Kim Ngọc	12/06/2009			6	7	9.0	8.0	7.0		6.5		7.0
22	2453403020197	Trần Như Ngọc	30/03/2009			7	9	7.0	6.0	6.0		6.5		6.6
23	2453403020198	Nguyễn Thị Hồng Nhung	06/03/2008			0	0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
24	2453403020199	Huỳnh Lê Tuyết Như	28/07/2009			6	7	6.0	7.0	6.0		9.0		8.0
25	2453403020200	Trần Đào Nhật Phát	11/12/2009			7	7	8.0	6.0	8.0		6.0		6.5
26	2453403020201	Võ Hoàng Phúc	11/07/2009			6	5	5.0	6.0	7.0		9.0		7.8
27	2453403020202	Huỳnh Thị Soan	02/10/2009			6	7	7.0	6.0	7.0		5.5		6.0
28	2453403020203	Võ Văn Tâm	14/07/2009			6	7	8.0	6.0	6.0		6.0		6.3
29	2453403020204	Nguyễn Quốc Thái	11/04/2009			7	7	7.0	6.0	8.0		7.0		7.0
30	2453403020205	Nguyễn Duy Thanh	07/05/2009			6	7	7.0	6.0	9.0		6.0		6.5
31	2453403020206	Nguyễn Thanh Thanh	18/02/2009			0	0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
32	2453403020207	Hà Thanh Toàn	24/03/2009			6	7	7.0	6.0	6.0		8.0		7.4
33	2453403020208	Nguyễn Thị Thùy Trang	17/05/2009			8	7	6.0	6.0	7.0		9.0		8.1
34	2453403020209	Nguyễn Thị Tường Vy	04/04/2009			9	9	8.0	9.0	8.0		5.0		6.4
35	2453403020210	Dương Hải Yến	27/04/2009			8	7	9.0	10.0	8.0		5.0		6.5
36	2453403020211	Huỳnh Thị Kim Yến	04/10/2009			6	7	8.0	7.0	8.0		9.0		8.4

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
37	2453403020212	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	27/01/2009			7	8	6.0	6.0	7.0		5.5		6.0
38	2453403020213	Võ Phi	Yến	10/09/2009			6	7	7.0	6.0	6.0		7.0		6.8

Châu Đốc, ngày 3 tháng 2 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Lê Minh Sơn